

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI MÔ HÌNH QUẢN TRỊ QUỐC GIA TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

★ PGS, TS ĐINH THỊ NGÀ

★ TS NGUYỄN THỊ HOÀI THU

*Viện Kinh tế - Xã hội và Môi trường,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

- **Tóm tắt:** Thể chế là yếu tố quan trọng, quyết định sự thịnh vượng của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh đổi mới mô hình quản trị quốc gia với chính quyền địa phương hai cấp, thể chế kinh tế cần được đổi mới căn bản, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững đất nước. Bài viết phân tích thực trạng thể chế kinh tế Việt Nam hiện nay và những cơ hội, thách thức xuất phát từ quá trình đổi mới mô hình quản trị, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia trong kỷ nguyên mới.
- **Từ khóa:** thể chế kinh tế; đổi mới mô hình quản trị quốc gia; kỷ nguyên phát triển mới.

1. Mở đầu

Trong tác phẩm *Tại sao một số quốc gia thất bại?*, Acemoglu và Robinson đã chỉ ra rằng, thể chế kinh tế và chính trị là yếu tố quyết định sự thịnh vượng hay nghèo đói của mỗi quốc gia⁽¹⁾. Nói cách khác, sự phát triển bền vững của quốc gia là kết quả của việc lựa chọn thể chế. Một hệ thống thể chế hỗ trợ cho tăng trưởng dài hạn phải có tính bao trùm. Một mặt, nó phải tạo ra nền tảng cần thiết cho một nền kinh tế thị trường phát triển đầy đủ, như: bảo hộ quyền sở hữu; phân cấp, phân quyền; khuyến khích sáng tạo, đầu tư và cạnh tranh công bằng; nhà nước pháp quyền và có trách nhiệm giải trình cao,... Mặt khác, cần bảo đảm sự phân phối thành quả kinh tế một cách công bằng, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

Sau gần 40 năm đổi mới, hệ thống thể chế kinh tế ngày càng hoàn thiện theo hướng bao trùm, đưa Việt Nam từ quốc gia kém phát triển thành quốc gia thuộc nhóm thu nhập trung bình thế giới. Đại hội XIII (năm 2021) của Đảng nhấn mạnh đột phá chiến lược đầu tiên là: hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, Việt Nam cần hoàn thiện thể chế kinh tế một cách đồng bộ, minh bạch và ổn định, phù hợp với cơ chế thị trường đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây không chỉ là yêu cầu khách quan của phát triển bao trùm, bền vững mà còn là điều kiện tiên quyết để thực hiện thành công quá trình đổi mới mô hình

quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu lực và hiệu quả.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề lý luận về thể chế kinh tế và mô hình quản trị quốc gia

Thể chế kinh tế

Theo cách tiếp cận kinh tế học thể chế, “thể chế kinh tế là hệ thống quy tắc ràng buộc (kèm theo cơ chế thực thi) để định hình tương tác giữa các cá nhân và thể nhân khi tham gia các hoạt động kinh tế”⁽²⁾. Thể chế kinh tế gồm 2 hình thức biểu hiện có tác động qua lại và hỗ trợ nhau: (i) thể chế chính thức là hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được nhà nước ban hành và cưỡng chế thực hiện; (ii) thể chế phi chính thức là những quy tắc, chuẩn mực, tập quán, thỏa thuận không được luật pháp quy định rõ ràng nhưng có tầm ảnh hưởng lớn đến hành vi kinh tế của các chủ thể trong xã hội. Bài viết nghiên cứu thể chế kinh tế chính thức vì nó đóng vai trò cốt lõi trong việc tổ chức, vận hành và định hướng nền kinh tế quốc gia.

Mô hình quản trị quốc gia trong kỷ nguyên mới

Kỷ nguyên mới được đặc trưng bởi sự bùng nổ của khoa học - công nghệ, tiến trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng cùng với những thách thức phi truyền thống diễn biến khó lường. Trong bối cảnh đó, mô hình quản trị quốc gia truyền thống bộc lộ nhiều hạn chế như thiếu tính linh hoạt, chủ yếu dựa trên mệnh lệnh hành chính, hạn chế tính minh bạch và sự tham gia của người dân... Ở Việt Nam, yêu cầu đổi mới mô hình quản trị quốc gia càng trở nên cấp bách khi đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, thực hiện mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Điều này đòi hỏi phải xây dựng một mô hình quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, có khả năng thích ứng với biến động. Một số đặc trưng cốt

lõi của mô hình quản trị quốc gia trong kỷ nguyên mới bao gồm:

Tính hiện đại: phản ánh khả năng thích ứng với bối cảnh phát triển mới, dựa trên khoa học, công nghệ, dữ liệu và đổi mới sáng tạo. Biểu hiện thông qua ứng dụng công nghệ số trong xây dựng chính phủ số, chính phủ điện tử; sử dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain để quản lý, dự báo và ra quyết định chính sách...

Tính hiệu lực: phản ánh mức độ thực thi theo đúng mục tiêu, định hướng đề ra, bảo đảm quyền lực công được thực thi và tôn trọng. Biểu hiện thông qua nhà nước pháp quyền; sự phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình trong bộ máy công quyền; khả năng điều hành và linh hoạt trong xử lý các vấn đề phát sinh...

Tính hiệu quả: phản ánh mức độ sử dụng nguồn lực (tài chính, nhân lực, máy móc, trang thiết bị, thông tin...) để đạt được kết quả tối ưu. Biểu hiện cụ thể thông qua bộ máy tinh gọn, vận hành linh hoạt; giảm thời gian và chi phí giao dịch cho người dân, doanh nghiệp...

Tính đa chủ thể: phản ánh sự tham gia của nhiều chủ thể vào quá trình quản trị và nhà nước đóng vai trò kiến tạo phát triển. Trong mô hình quản trị mới, quyền lực quản trị không tập trung tuyệt đối vào nhà nước mà được phân bổ, chia sẻ và phối hợp giữa nhiều chủ thể theo cơ chế đối thoại, hợp tác và giám sát lẫn nhau.

Đổi mới mô hình quản trị quốc gia không chỉ đơn thuần là cải cách hành chính hay bộ máy nhà nước, mà còn dựa trên nền tảng xây dựng và hoàn thiện thể chế. Trong đó, thể chế kinh tế cần đáp ứng một số yêu cầu sau:

Thứ nhất, phải có tính đồng bộ và đầy đủ để thị trường vận hành thông suốt; đồng thời tháo gỡ những “điểm nghẽn”, điểm chông chéo, mâu thuẫn để tạo môi trường ổn định, minh bạch cho đầu tư, kinh doanh.

Thứ hai, bảo đảm vai trò kiến tạo và điều tiết của nhà nước. Theo đó, nhà nước không can thiệp hành chính vào hoạt động thị trường mà tập trung vào chức năng kiến tạo phát triển, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh và khắc phục những thất bại thị trường.

Thứ ba, bảo đảm tính công khai, minh bạch thông tin đối với người dân, doanh nghiệp; đồng thời, các cơ quan công quyền chịu trách nhiệm giải trình trước quốc hội, chính phủ và xã hội.

Thứ tư, thiết lập môi trường cạnh tranh công bằng, thúc đẩy sáng tạo, khởi nghiệp và đổi mới khoa học, công nghệ.

Thứ năm, chú trọng phát triển bền vững, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế - bảo vệ môi trường - tiến bộ xã hội.

Thứ sáu, bảo đảm khả năng hội nhập quốc tế và tương thích với luật chơi chung của nền kinh tế thế giới, có khả năng chống chịu trước các cú sốc toàn cầu.

2.2. Thực trạng xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế Việt Nam

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế đặc thù của Việt Nam, kết hợp giữa cơ chế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội. Điều 52 Hiến pháp năm 2013 quy định “Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, điều tiết nền kinh tế trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường; thực hiện phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; thúc đẩy liên kết kinh tế vùng, bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân”.

Những kết quả, thành tựu nổi bật

Một là, hoàn thiện khung pháp lý kinh tế thị trường: thể chế kinh tế Việt Nam ngày càng hoàn thiện, bảo đảm môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, công bằng; khơi thông nguồn lực. Nhiều đạo luật quan trọng đã được

ban hành và sửa đổi liên quan tới các lĩnh vực kinh tế, như đầu tư, kinh doanh, đấu thầu, cạnh tranh, thương mại, giao dịch điện tử... Bên cạnh đó, khuôn khổ pháp lý cho các loại hình sở hữu, các thành phần kinh tế được xác lập rõ ràng, tạo môi trường để phát triển và cạnh tranh bình đẳng theo quy luật thị trường. Hệ thống tài chính, ngân hàng, thị trường vốn, thị trường lao động dần tiệm cận chuẩn mực thị trường hiện đại.

Hai là, cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh tế: Chính phủ đẩy mạnh cải cách hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số nhằm giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Các cơ chế một cửa, một cửa liên thông và dịch vụ công trực tuyến góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế. Cơ chế quản lý nhà nước cũng từng bước chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, giảm rào cản hành chính.

Ba là, mở rộng quyền tự chủ cho khu vực kinh tế tư nhân: vai trò “kiến tạo phát triển” của Nhà nước được hiện thực hóa trong các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và thu hút đầu tư theo phương thức đối tác công - tư... Đặc biệt, Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04-5-2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã chỉ đạo việc bảo đảm quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân trong các ngành, nghề pháp luật không cấm.

Bốn là, từng bước hội nhập thể chế quốc tế: việc thực hiện các cam kết WTO và các hiệp định thương mại tự do (FTA) thúc đẩy Việt Nam điều chỉnh, cải cách thể chế phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Một số cam kết về tự do hóa thị trường, bảo vệ quyền sở hữu, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh đã

được cụ thể hóa trong việc sửa đổi, ban hành một số đạo luật quan trọng như: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Thương mại.

Năm là, tạo nền tảng phát triển bền vững, bao trùm: với định hướng xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đang tích cực hoàn thiện thể chế kinh tế phục vụ mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Các chính sách tín dụng xã hội, ưu đãi thuế, trợ cấp xã hội, giáo dục đào tạo cùng hệ thống pháp luật bảo vệ người lao động, an sinh xã hội, môi trường... đã giúp phân phối lại thu nhập, giảm bất bình đẳng xã hội; từ đó hình thành nền tảng cho phát triển bền vững và bao trùm.

Những hạn chế, bất cập

Thứ nhất, tính đồng bộ và thống nhất của thể chế kinh tế chưa cao, vẫn còn tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu đồng bộ, nhất là các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, tài nguyên, môi trường... Đây là một trong những “điểm nghẽn” gây khó khăn trong việc thực thi thể chế, ảnh hưởng tới công tác dự báo và lập kế hoạch của doanh nghiệp; từ đó dẫn tới thất thoát và lãng phí các nguồn lực xã hội.

Thứ hai, chất lượng xây dựng thể chế chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Thực tế, một số luật mới ban hành phải nhanh chóng sửa đổi, bổ sung do những bất cập trong thực tiễn triển khai hoặc không phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập. Thí dụ, Luật Quy hoạch năm 2017, Luật Đầu tư năm 2020, Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Đất đai năm 2024... Điều này cho thấy tính linh hoạt, thực tiễn của thể chế chưa cao; đồng thời, công tác đánh giá tác động chính sách, pháp luật trước khi ban hành còn thiếu hiệu quả.

Thứ ba, tổ chức thực thi thể chế còn nhiều hạn chế. Tình trạng “trên nóng dưới lạnh”, thực hiện không triệt để, thiếu đồng bộ giữa các địa phương, giữa các cấp là những nguyên nhân làm giảm tính hiệu lực và tính hiệu quả của thể chế kinh tế. Chẳng hạn, việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước diễn ra chậm, thiếu minh bạch; sau cổ phần hóa vẫn chưa chuyển giao thực chất quyền quyết định cho thị trường. Nhiều doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, quản trị lỏng lẻo gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản; trong khi cơ chế kiểm soát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn nhà nước còn hạn chế.

Thứ tư, cải cách thể chế trong một số lĩnh vực kinh tế còn chậm, thiếu đột phá so với yêu cầu phát triển. Một số lĩnh vực kinh tế trọng yếu, liên quan tới thị trường các yếu tố sản xuất có tốc độ cải cách thể chế chậm, gây cản trở việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và giảm tính cạnh tranh của nền kinh tế. Thị trường đất đai chưa vận hành theo cơ chế thị trường đầy đủ, chênh lệch giá đất do Nhà nước định giá và thị trường gây ra thất thoát ngân sách và tham nhũng. Quy định về thu hồi đất, giao đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng còn thiếu minh bạch, dễ bị lợi dụng cho lợi ích nhóm. Thị trường vốn còn phân mảnh, chưa phát triển đồng bộ, hệ thống giám sát tài chính chưa theo kịp sự phát triển nhanh của thị trường. Các quy định pháp lý cho thị trường tài chính phi ngân hàng như fintech, bảo hiểm, đầu tư mạo hiểm còn sơ khai, thiếu khung pháp lý điều chỉnh. Thị trường lao động còn bất cập trong kết nối cung - cầu, chưa linh hoạt trong việc thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế số và các lĩnh vực ngành nghề mới. Thể chế bảo vệ lao động phi chính thức còn mờ nhạt, khiến phân khúc lao động này đối diện với rủi ro cao.

2.3. Cơ hội, thách thức xuất phát từ đổi mới mô hình quản trị quốc gia đối với thể chế kinh tế Việt Nam

Việc đổi mới mô hình quản trị quốc gia mở ra nhiều cơ hội, đồng thời đặt ra không ít thách thức đối với quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Trong đó, cơ hội đối với thể chế kinh tế Việt Nam là:

Một là, thúc đẩy cải cách thể chế kinh tế toàn diện

Mô hình quản trị mới sẽ tạo động lực cho việc cải cách thể chế kinh tế theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm tính hội nhập và phù hợp với quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường hiện đại. Đặc biệt, góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng thích ứng linh hoạt với xu hướng toàn cầu, những biến động kinh tế và lĩnh vực kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn... Tạo “sân chơi” công bằng, cạnh tranh bình đẳng giữa các chủ thể kinh tế và hạn chế sự kiểm soát, can thiệp hành chính của quản lý nhà nước.

Hai là, tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của thể chế kinh tế

Đổi mới mô hình quản trị giúp tối ưu hóa các nguồn lực, tinh gọn bộ máy nhà nước, giảm sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm tính minh bạch..., từ đó cải thiện chất lượng thể chế kinh tế. Đồng thời, việc tận dụng dữ liệu lớn và nền tảng số làm căn cứ ra quyết định chính sách sẽ giúp quá trình thực thi thể chế kinh tế nhanh chóng, hiệu quả hơn, thích ứng kịp thời với thực tiễn. Các doanh nghiệp và người dân dễ dàng tiếp cận thông tin, giảm đáng kể chi phí tuân thủ thể chế, nâng cao niềm tin với thị trường.

Ba là, nâng cao vị thế của thể chế kinh tế Việt Nam

Mô hình quản trị hiện đại giúp nâng cao vị thế của thể chế kinh tế Việt Nam trên thế giới thông qua việc tham chiếu theo các chỉ số đánh giá

năng lực cạnh tranh quốc gia và hiệu quả điều hành của Chính phủ như GCI, WGI... Nhờ đó, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng thu hút đầu tư nước ngoài; khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, tạo nền tảng phát triển khu vực kinh tế năng động và sáng tạo.

Bốn là, thể chế kinh tế góp phần tạo động lực phát triển bền vững nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đổi mới mô hình quản trị quốc gia giúp hạn chế thấp nhất sự can thiệp hành chính của Nhà nước; phát hiện và tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế, xung đột pháp lý làm cản trở sự vận hành hiệu quả của thị trường. Quản trị hiệu quả tạo điều kiện để xây dựng quan hệ đối tác công - tư (PPP), huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường khả năng điều phối giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Qua đó, góp phần thúc đẩy mô hình phát triển toàn diện, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội - đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thách thức đối với thể chế kinh tế Việt Nam:

Độ trễ giữa đổi mới thể chế kinh tế và cải cách hành chính

Mô hình quản trị quốc gia đang được đổi mới mạnh mẽ, nhưng thể chế kinh tế vẫn còn tồn tại nhiều “điểm nghẽn”. Nếu không đổi mới thể chế kinh tế đồng bộ với cải cách hành chính thì sẽ tồn tại một khoảng cách giữa tư duy quản trị mới và thể chế hiện hành; từ đó dẫn tới nhiều hệ lụy cho môi trường đầu tư, kinh doanh và hiệu quả quản trị quốc gia. Trong một số trường hợp, thể chế kinh tế được đổi mới song bộ máy hành chính lại vận hành theo tư duy cũ, quy trình cũ thì việc thực thi thể chế sẽ không phát huy hiệu lực, hiệu quả. Độ trễ giữa cải cách hành chính với đổi mới thể chế kinh tế đang là thách thức đáng kể đối với quá trình đổi mới mô hình tăng

trường và hiệu quả quản trị quốc gia hiện nay.

Mối quan hệ giữa tính hiệu quả và công bằng trong xây dựng thể chế kinh tế

Trong quá trình đổi mới mô hình quản trị quốc gia, một trong những thách thức lớn nhất là kết hợp hài hòa giữa tính hiệu quả và công bằng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là hai yếu tố có thể bổ sung cho nhau nhưng cũng dễ nảy sinh mâu thuẫn trong thực tiễn. Cơ chế thị trường vận hành theo nguyên tắc cạnh tranh, phân bổ nguồn lực theo các quy luật giá cả, cung cầu, tối đa hóa lợi nhuận... Tính hiệu quả của cơ chế thị trường là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất. Trong khi định hướng xã hội chủ nghĩa nhấn mạnh vai trò của Nhà nước trong điều tiết, phân phối thu nhập, giảm bất bình đẳng, phát triển bao trùm giữa các vùng miền, giữa các nhóm dân cư. Do vậy, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải thiết kế linh hoạt, đa chiều để mối quan hệ này không nảy sinh mâu thuẫn và có thể bổ sung cho nhau vì mục tiêu phát triển bền vững.

Năng lực và nguồn lực thực thi thể chế kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu

Trước hết, năng lực thực thi thể chế của chính quyền địa phương còn hạn chế. Việc vận hành mô hình chính quyền 2 cấp, trao quyền và trách nhiệm nhiều hơn cho cấp cơ sở đòi hỏi đội ngũ cán bộ xã, phường phải chuẩn hóa trình độ chuyên môn, đổi mới tư duy và nâng cao năng lực số. Song, việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ chưa được triển khai đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới thể chế kinh tế, đặc biệt những vùng, miền, địa phương khó khăn. Bên cạnh đó, nguồn lực thực thi (bao gồm tài chính, con người, công nghệ) còn rất thiếu. Nhiều chính sách, dự án cải cách thể chế bị chậm triển khai

do thiếu kinh phí và nhân lực thực hiện; hạ tầng, công nghệ không được đầu tư đồng bộ.

2.4. Giải pháp hoàn thiện thể chế kinh tế đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả

Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30-4-2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định quan điểm: “Công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”. Mô hình quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả là động lực quan trọng để thúc đẩy hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để tận dụng tốt các cơ hội và vượt qua thách thức, cần chú trọng một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đổi mới quy trình xây dựng thể chế bảo đảm tính khoa học, minh bạch: chuẩn hóa quy trình lập pháp, lập quy từ khâu đề xuất đến ban hành; đánh giá tác động của các quy định toàn diện cả về kinh tế, xã hội, môi trường và chi phí tuân thủ.

Thứ hai, nâng cao chất lượng đội ngũ xây dựng chính sách, trong đó chú trọng kỹ năng phân tích, đánh giá tác động của chính sách. Thiết lập cơ chế kiểm soát, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì và cá nhân tham gia.

Thứ ba, tăng cường sự tham gia của các chủ thể trong quá trình xây dựng và thực thi thể chế. Trong đó, thu hút các chuyên gia độc lập, viện nghiên cứu, tổ chức nghề nghiệp góp ý và phản biện trong quá trình xây dựng pháp luật, nhất là ở các lĩnh vực chuyên môn cao. Thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá độc lập trong thực thi thể chế với sự tham gia của đa chủ thể. Đổi mới và đa dạng hóa phương thức tham vấn, giám sát, phản biện xã hội, kết hợp cả hình thức

trực tuyến và trực tiếp. Nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước để tăng cường tính minh bạch và tạo niềm tin xã hội.

Thứ tư, bảo đảm tính đồng bộ và tính khả thi của thể chế. Quá trình xây dựng pháp luật cần tương thích với hệ thống pháp luật hiện hành cũng như các cam kết quốc tế, không để xảy ra chồng chéo hoặc mâu thuẫn. Gắn việc xây dựng thể chế với kế hoạch ngân sách, nhân lực và hạ tầng công nghệ để bảo đảm nguồn lực thực thi.

Thứ năm, đồng bộ hóa thể chế với cải cách thủ tục hành chính và tinh gọn bộ máy nhà nước theo nguyên tắc “mỗi văn bản mới ban hành phải giảm ít nhất một thủ tục cũ”, “không tăng thêm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và người dân”; rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước để bảo đảm phân công rõ ràng, tránh chồng chéo. Kết hợp tinh gọn bộ máy với phân cấp, phân quyền hợp lý, thúc đẩy chính quyền điện tử.

Thứ sáu, hoàn thiện thể chế kinh tế tạo động lực cho phát triển bền vững và bao trùm. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi mô hình kinh tế xanh, kinh tế số... Tạo đột phá cho thị trường các yếu tố sản xuất (bao gồm đất đai, vốn, lao động, công nghệ, thông tin...) gắn với mô hình tăng trưởng mới.

Thứ bảy, tạo môi trường thể chế ổn định, công bằng cho phát triển kinh tế tư nhân. Bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Hoàn thiện cơ sở pháp lý để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các nguồn lực sản xuất, kinh doanh. Thúc đẩy phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và quốc tế; hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mở rộng các mô hình, phương thức trợ giúp pháp lý doanh nghiệp.

Thứ tám, hoàn thiện thể chế khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng hành lang pháp lý cho những vấn đề kinh tế mới, phi truyền thống để hình thành các động lực tăng trưởng mới, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất mới, các ngành công nghiệp mới. Ban hành chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, thủ tục đầu tư, hỗ trợ pháp lý cho các dự án công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng dụng công nghệ cao...

3. Kết luận

Hoàn thiện thể chế kinh tế là một yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của quá trình đổi mới mô hình quản trị quốc gia, đáp ứng mục tiêu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Việc xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế của nước ta đã có nhiều thành tựu nhưng cũng còn nhiều hạn chế, thách thức. Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, bao trùm theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế cần chú trọng đổi mới quy trình, nâng cao chất lượng đội ngũ xây dựng thể chế; tăng cường sự tham gia của các chủ thể; bảo đảm tính đồng bộ, tính khả thi của các quy định; cũng như tạo môi trường phát triển kinh tế tư nhân và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo □

Ngày nhận: 18-8-2025; Ngày bình duyệt: 10-10-2025; Ngày duyệt đăng: 22-10-2025.

Email tác giả: thu.nguyenhoai89@gmail.com

(1) Xem: Acemoglu D. và Robinson James A.: *Tại sao các quốc gia thất bại?*, Nxb trẻ, Hà Nội, 2024.

(2) Xem Phạm Hồng Chương, Lê Trung Thành: *Đánh giá Kinh tế Việt Nam thường niên 2024: Thúc đẩy cải cách thể chế kinh tế trong bối cảnh mới*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2025.